**Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CHO HỘI THẢO “NHẬN DIỆN KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ KIẾN NGHỊ”**

*Chuẩn bị bởi Hiệp hội Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (VAFIE)*

***Phần I – Các vướng mắc về quy định của pháp luật***

| **No** | **Quy định liên quan** | **Vấn đề** | **Khuyến nghị** | **Tên doanh nghiệp (nếu có)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khoản 15 Điều 7 Thông tư 78/2014/TT-BTC | Hiện nay, một số quốc gia phát triển (ví dụ, Nhật Bản) có các chương trình khuyến khích đầu tư, cung cấp hỗ trợ bằng tiền trực tiếp cho dự án đầu tư của doanh nghiệp trong nước, bao gồm cả dự án đầu tư của doanh nghiệp đó tại các nước khác như Việt Nam. Theo đó, tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp FDI được thành lập từ dự án đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài cũng được hưởng trợ cấp trực tiếp từ nguồn vốn của Chính phủ nước đó.  Tuy nhiên, theo quy định thuế TNDN hiện hành, các khoản hỗ trợ đầu tư sẽ được coi là thu nhập khác và bị áp dụng mức thuế 20% (không được hưởng ưu đãi thuế). Việc áp dụng mức thuế trên đối với khoản hỗ trợ từ Chính phủ nước ngoài làm tăng chi phí cho nhà đầu tư và giảm hiệu quả của các khoản hỗ trợ trên, do đó làm giảm tính hấp dẫn trong môi trường đầu tư của Việt Nam. | Việc miễn thuế hoặc cho phép áp dụng ưu đãi thuế đối với khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Chính phủ nước ngoài sẽ giúp các doanh nghiệp FDI trong nước dễ dàng tiếp cận nguồn vốn bổ sung, giúp tăng năng lực tài chính để đầu tư mở rộng hoạt động đầu tư; đồng thời giúp thúc đẩy môi trường đầu tư hấp dẫn và minh bạch đối với các nhà đầu tư nước ngoài. | Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp |
| 2 | Khoản 1 b, 2a Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về Thuế giá trị gia tăng có quy định:  **Điều 9. Thuế suất 0%**  1)  ….  b) …  Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí.  Cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ là người nộp thuế tại Việt Nam phải có tài liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam.  Ví dụ 45: Công ty B ký hợp đồng với Công ty C về việc cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế cho dự án đầu tư ở Cam-pu-chia của Công ty C (Công ty B và công ty C là các doanh nghiệp Việt Nam). Hợp đồng có phát sinh các dịch vụ thực hiện ở Việt Nam và các dịch vụ thực hiện tại Cam-pu-chia thì giá trị phần dịch vụ thực hiện tại Cam-pu-chia được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%; đối với phần doanh thu dịch vụ thực hiện tại Việt Nam, Công ty B phải kê khai, tính thuế GTGT theo quy định.  Ví dụ 46: Công ty D cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, lập báo cáo khả thi đối với dự án đầu tư tại Lào cho Công ty X. Giá trị hợp đồng Công ty D nhận được là 5 tỷ đồng đã bao gồm thuế GTGT cho phần dịch vụ thực hiện tại Việt Nam. Hợp đồng giữa 2 doanh nghiệp không xác định được doanh thu thực hiện tại Việt Nam và doanh thu thực hiện tại Lào. Công ty D tính toán được các chi phí thực hiện ở Lào (chi phí khảo sát, thăm dò) là 1,5 tỷ đồng và chi phí thực hiện ở Việt Nam (tổng hợp, lập báo cáo) là 2,5 tỷ đồng.  Doanh thu đối với phần dịch vụ thực hiện tại Việt Nam đã bao gồm thuế GTGT được xác định như sau:  Trường hợp Công ty D có tài liệu chứng minh Công ty cử cán bộ sang Lào thực hiện khảo sát, thăm dò và có giấy tờ chứng minh Công ty mua một số hàng hóa phục vụ việc khảo sát, thăm dò tại Lào thì doanh thu đối với phần dịch vụ thực hiện tại Lào được áp dụng thuế suất 0% và được xác định bằng 1,875 tỷ đồng (5 - 3,125 = 1,875 tỷ đồng).  …  2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:  …  Riêng đối với trường hợp hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc tế, vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ…; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hóa ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hóa thanh toán cho cơ sở kinh doanh.  Ví dụ 48: Công ty A và Công ty B (là các doanh nghiệp Việt Nam) ký hợp đồng mua bán dầu nhờn. Công ty A mua dầu nhờn của các công ty ở Sin-ga-po, sau đó bán cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po. Trường hợp Công ty A có: Hợp đồng mua dầu nhờn ký với các công ty ở Sin-ga-po, hợp đồng bán hàng giữa Công ty A và Công ty B; chứng từ chứng minh hàng hóa đã giao cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty A chuyển cho các công ty bán dầu nhờn ở Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty B thanh toán cho Công ty A thì doanh thu do Công ty A nhận được từ bán dầu nhờn cho Công ty B được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. | Theo các quy định nêu bên, trước tháng 7 năm 2025, các hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong hai trường hợp sau vẫn được áp dụng thuế GTGT 0%:   * Dịch vụ được cung cấp giữa hai doanh nghiệp Việt nam nhưng hoạt động cung cấp diễn ra ở ngoài Việt Nam; và * Hàng hóa được mua bán giữa hai doanh nghiệp Việt Nam nhưng có điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam và đáp ứng một số điều kiện quy định.   Tuy nhiên, theo quy định của Luật thuế GTGT mới có hiệu lực từ 1/7/2025 và các Nghi định, Thông tư hướng dẫn, không còn có các hướng dẫn tương tự như trên, theo đó hiểu rằng các hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ tương tự không còn được hưởng mức thuế suất GTGT 0% nữa, mà sẽ phải áp dụng các mức 5%, 10% hay 8% theo quy định tại thời điểm phát sinh giao dịch.  Chúng tôi thấy rằng các quy định tại Thông tư 219 nêu trên rất hợp lý, phù hợp do các hàng hóa, dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp/tiêu dùng ngoài Việt Nam, nên dù là giao dịch được thực hiện giữa hai doanh nghiệp Việt Nam thì cũng cần được xử lý thuế GTGT tương tự như giao dịch theo đó doanh nghiệp Việt Nam bán hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp nước ngoài. Bản chất thuế GTGT đánh trên hàng hóa, dịch vụ được cung cấp nên cần dựa trên tính chất của hàng hóa, dịch vụ liên quan để xác định thuế suất áp dụng, mà không phụ thuộc vào bên mua là bên Việt Nam hay bên nước ngoài. | Để phù hợp với bản chất thuế GTGT, khuyến khích các hoạt động kinh doanh phát triển đa dạng phong phú, phù hợp với sự phát triển thương mại toàn cầu, chúng tôi kiến nghị Bộ tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định thuế GTGT hiện hành theo hướng tiếp tục được áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa, dịch vụ được cung cấp trong hai trường hợp đã nêu. | Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp |

***Phần II – Các vướng mắc trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật***

| **No** | **Quy định liên quan** | **Vấn đề** | **Khuyến nghị** | **Tên doanh nghiệp (nếu có)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khoản 20, Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 | **Vướng mắc về truy thu thuế GTGT tại khâu nhập khẩu đối với hàng hóa do nhà thầu phụ nhập khẩu để cung cấp cho DNCX**  Tại các công văn số 2870/BTC-TCHQ ngày 05/3/2013, số 12366/BTC-TCHQ ngày 17/9/2013, số 1697/BTC-TCHQ ngày 08/02/2014, Bộ Tài chính và Tổng Cục hải quan đã căn cứ quy định tại Khoản 20, Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 và hướng dẫn rằng ‘*Các nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa để xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc cho chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất thì số hàng hóa nhập khẩu đó cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT’.*  Theo đó, các doanh nghiệp là nhà thầu phụ của chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất đã thực hiện kê khai nhập khẩu hàng hóa để xây dựng cho chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất. Các hàng hóa này sau khi nhập khẩu được đưa thẳng vào doanh nghiệp chế xuất, chỉ được sử dụng trong doanh nghiệp chế xuất. Do vậy, hàng hóa nhập khẩu nêu trên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Tổng Cục Hải quan.  Các hàng hóa này đã được sử dụng cho hoạt động xây dựng trong doanh nghiệp chế xuất, sau đó, được nhà thầu phụ xuất hóa đơn với thuế suất thuế GTGT 10% cho toàn bộ giá trị công trình xây dựng hoàn thành. Hóa đơn GTGT đầu ra đã được nhà thầu phụ kê khai và nộp thuế đầy đủ cho cơ quan thuế nội địa.  Mặc dù vậy, gần đây, một số Chi cục hải quan địa phương đã tiếp tục yêu cầu các doanh nghiệp là nhà thầu phụ phải thực hiện kê khai lại tờ khai hải quan nhập khẩu, và nộp bổ sung thuế GTGT liên quan đến các hàng hóa nhập khẩu để xây dựng cho chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất. | Để tạo lập sự nhất quán trong việc áp dụng chính sách, quy định của pháp luật cũng như tạo sự công bằng, bình đẳng giữa các doanh nghiệp/nhà đầu tư, chúng tôi kiến nghị TCHQ hướng dẫn không yêu cầu các doanh nghiệp là nhà thầu phụ phải kê khai bổ sung và nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu, nếu thực tế hàng hóa đã nhập khẩu chỉ được sử dụng cho hoạt động xây dụng trong doanh nghiệp chế xuất, và nhà thầu phụ đã xuất hóa đơn GTGT đầu ra và nộp đầy đủ thuế GTGT với cơ quan thuế nội địa. | Shinryo Việt Nam |
| 2 | Thông tư 45/2021/TT-BTC | **Hỗ trợ đẩy nhanh quá trình đàm phán và ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (“APA”) song phương giữa Việt Nam và Nhật Bản** | Công ty TNHH Công Nghệ Máy Văn Phòng Kyocera Việt Nam ("KDTVN") (*có địa chỉ tại Khu đô thị, Công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam/ Mã số thuế: 0201186139)* bắt đầu hoạt động từ năm 2011 tại Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất thiết bị văn phòng.  **KDTVN đã nộp hồ sơ APA song phương cho cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (“năm tài chính 2021”) đến 31 tháng 3 năm 2026** (“năm tài chính 2025”) vào ngày 30 tháng 3 năm 2021.  **Doanh nghiệp kính đề nghị Bộ Tài Chính và Cục thuế hỗ trợ, phối hợp cùng KDTVN để hoàn thiện nội dung đàm phán với Cơ quan thuế Nhật, tiến tới ký kết Hồ sơ APA trong năm 2025 để kịp áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026.** | Công ty TNHH Công Nghệ Máy Văn Phòng Kyocera Việt Nam |
| 3 | Thông tư 86/2024/TT-BTC quy định về đăng ký thuế | Điểm 2, Điều 38 quy định  *“Điều 38. Hiệu lực thi hành*  *2. Mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh được thực hiện đến hết ngày 30/6/2025. Kể từ ngày 01/7/2025, người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng mã số thuế theo quy định tại**Điều 35 Luật Quản lý thuế**thực hiện sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.”*  Gần đây, Cục Thuế đã nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) đáp ứng sử dụng số định danh thay MST cá nhân theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.  Theo đó, tổ chức chi trả thu nhập bắt buộc phải sử dụng số định danh thay MST cá nhân để kê khai cho người lao động và người phụ thuộc. Tuy nhiên, hệ thống đang mặc định sử dụng số định danh cho cả các tờ khai của năm cũ.  Trong thực tế, nhiều tổ chức chi trả thu nhập có nhu cầu nộp tờ khai bổ sung cho các kỳ quyết toán thuế của các năm trước đó và ứng dụng HTKK cũng yêu cầu nhập số định danh cho cá nhân và người phụ thuộc của các năm trước. Điều này là không khả thi trong thực tế bởi có nhiều người lao động đã nghỉ việc nên tổ chức chi trả thu nhập không thể liên hệ để thu thập số định danh cá nhân cho người lao động đó và người phụ thuộc của người lao động để kê khai. | Khuyến nghị Cục thuế nâng cấp ứng dụng HTKK, việc yêu cầu bắt buộc nhập số định danh cá nhân chỉ áp dụng cho kỳ kê khai thuế từ 7/2025 và quyết toán thuế TNCN năm 2025 trở đi. Đối với các tờ khai quyết toán thuế của các năm từ 2024 trở về trước, ứng dụng HTKK cho phép tổ chức chi trả thu nhập kê khai MST do cơ quan thuế cấp trước đây để tổ chức chi trả thu nhập có thể nộp tờ khai quyết toán thuế bổ sung. | Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp |
| 4 | Quy định pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các công văn hướng dẫn về chính sách ưu đãi thuế với hàng không phải thanh toán | **Chính sách ưu đãi thuế với hàng không phải thanh toán:**  Trong quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh, liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Công ty đang gặp vướng mắc khi áp dụng chính sách thuế suất ưu đãi đối với hàng hóa là nguyên vật liệu, thiết bị, công cụ dụng cụ mà Công ty nhận từ các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng đầu vào của Công ty theo điều kiện “không phải thanh toán”, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm sản phẩm công nghệ điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn được ưu đãi. Cụ thể:   * Tổng cục thuế (nay là Cục thuế) qua Công văn số 1633/TCT-CS ngày 09/05/2023 gửi Cục Thuế Hải Phòng và LGEVH có hướng dẫn như sau:   *“Về nguyên tắc doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì* ***thu nhập được hưởng ưu đãi là thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn ưu đãi*** *trừ các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật thuế TNDN. Các khoản thu nhập không thuộc thu nhập phát sinh trên địa bàn ưu đãi đầu tư, không thuộc thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư thì không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.”*   * Cục Thuế Hải Phòng (nay Chi cục Thuế khu vực III) đã diễn giải nội dung hướng dẫn của Tổng cục Thuế như sau: *“Các khoản thu nhập tương ứng giá trị hàng hóa doanh nghiệp nhận được không phải thanh toán* ***là thu nhập khác, không phải thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn được ưu đãi*** *do đó khoản thu nhập này* ***không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN****.”*   Theo đó, Chi cục Thuế Khu vực III (trước là Cục thuế Hải Phòng) đã ban hành Quyết định về việc xử lý vi phạm về thuế số 108/KL-CCTKV03 ngày 31/03/2025 yêu cầu Công ty LGEVH buộc phải nộp khoản truy thu thuế TNDN, phạt vi phạm hành chính và lãi chậm nộp. Trên cùng quan điểm đó, Chi cục Thuế Khu vực III đang tiếp tục yêu cầu hai Công ty LGDVH và LGIVH trong Tập đoàn LG nộp thuế TNDN cho hàng hóa nhận được không phải thanh toán này.  Chúng tôi cho rằng quan điểm của Chi cục Thuế Khu vực III là chưa phù hợp với bản chất và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và chưa phù hợp với hướng dẫn của Cục thuế và của chính Chi cục Thuế Khu vực III bởi các lý do sau đây:  **Thứ nhất là** về bản chất và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn LG: Cả ba công ty nêu trên thuộc Tập đoàn LG đều là Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Doanh nghiệp Công nghệ cao và sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực điện tử. Trong sản xuất hàng điện tử như chúng tôi, nhà đầu tư phải sử dụng một số nguyên vật liệu đặc thù, công cụ dụng cụ, hoặc thiết bị có đặc tính kỹ thuật riêng biệt để xử lý. Theo đó, các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng của chúng tôi nhất trí cung cấp các hàng hóa này không thanh toán để chúng tôi có thể thực hiện nghiên cứu phát triển, thử nghiệm một cách nhanh chóng, tối thiểu hóa chi phí và tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm. Đây là thực tiễn rất phổ biến và cần thiết để chuỗi cung ứng có trách nhiệm và có vai trò trong việc phát triển sản phẩm để tạo ra sản phẩm mới có tính thương mại và mang lại doanh thu cho cả chuỗi cung ứng sau này. Việc nhận các nguyên vật liệu, linh kiện, công cụ dụng cụ, thiết bị từ các nhà cung cấp cho mục đích sản xuất, nghiên cứu, phát triển nêu trên không thể coi là hoạt động cho, tặng thông thường. Việc cung cấp này có quan hệ chặt chẽ và trực tiếp liên quan, phục vụ và xuất phát từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không nằm ngoài mục tiêu sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp.  Hoạt động nghiên cứu và phát triển là một hoạt động mang tính chất tiên quyết đối với sự duy trì, cạnh tranh và phát triển của một doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao như Tập đoàn LG. Hoạt động nghiên cứu và phát triển là hoạt động có hệ thống, sáng tạo ra các sản phẩm mới hoặc cải tiến quy trình, sản phẩm, dịch vụ hiện có. Hoạt động nhận hàng hóa không phải thanh toán trong chuỗi cung ứng này của các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao như Tập đoàn LG là bước đầu tiên bắt buộc phải có trong toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, không nên hiểu là thời điểm phát sinh thu nhập để nộp thuế.  Theo đó quan điểm cho rằng ***“tại thời điểm nhận hàng hóa không phải thanh toán của chúng tôi đã phát sinh thu nhập và thu nhập này không phát sinh từ hoạt động kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn ưu đãi”*** của Chi cục Thuế Khu vực III là **chưa phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh và không khuyến khích hoạt động nghiên cứu phát triển.**  **Thứ hai là** quan điểm của Chi cục Thuế Khu vực III chưa phù hợp với hướng dẫn của Tổng cục thuế và của chính Chi cục Thuế Khu vực III được thể hiện như sau:  Các căn cứ pháp lý mà Chi cục Thuế Khu vực III đưa ra và **KHÔNG ÁP DỤNG** ưu đãi thuế cho hàng hóa nhập khẩu không phải thanh toán cho Tập đoàn LG bao gồm:  Tại Kết luận kiểm tra số 108/KL-CCTKV03 ngày 31 tháng 03 năm 2025 và tại Công văn số 511/CCTKV03-QLDN2 của Chi cục thuế Khu vực III (trước là Cục thuế Hải Phòng) ngày 25 tháng 04 năm 2025 nêu rõ: căn cứ Khoản 1 Điều 3, Điều 6 Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Căn cứ Khoản 2 Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính, sửa đổi bổ sung Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.  Trong khi đó, căn cứ pháp lý mà Chi cục Thuế Khu vực III đưa ra và **ÁP DỤNG** ưu đãi thuế cho hàng hóa nhập khẩu không phải thanh toán của các công ty trong Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải khác cũng vẫn là các căn cứ nêu trên tại Công văn số 5281/CT-TT&HT ngày 22/05/2017 và Công văn số 2262/CT-TTHT ngày 05 tháng 08 năm 2020 của Chi cục Thuế Khu vực III.  Hơn nữa, các cục thuế tỉnh, thành khác đều áp dụng ưu đãi thuế cho các trường hợp tương tự với cùng một cơ sở pháp lý nêu trên tại các Công văn số 578/CT-TTHT ngày 09/04/2018 của Cục Thuế Bắc Ninh, Công văn số 11368/CT-TTHT ngày 11/07/2019 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.  Việc không nhất quán trong cách hướng dẫn và áp dụng cùng một căn cứ pháp luật cho cùng một sự việc dẫn đến nhiều sự quan ngại cho Tập đoàn LG gây ra sự khó hiểu và rất nhiều khó khăn trong việc áp dụng và tuân thủ pháp luật của chúng tôi, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự minh bạch của môi trường đầu tư của Việt Nam. Trước sự việc nêu trên, chúng tôi quan ngại rằng liệu có sự đối xử không công bằng giữa các nhà đầu tư ngay tại Hải Phòng và tại Việt Nam hay không? Hiện nay, Công ty LG Display đã đăng ký tăng vốn đầu tư tại Hải Phòng trong năm 2025 lên hơn 2 tỷ đô la, nhưng từ đầu năm 2025 đến nay, trước những quan điểm không nhất quán và chưa thỏa đáng của Chi cục Thuế Khu vực III đã khiến Tập đoàn LG tại Hàn Quốc đánh giá đây là một rủi ro lớn, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xem xét chiến lược đầu tư vào Việt Nam.  . | Vấn đề này đã kéo dài trong nhiều năm qua, gây khó khăn cho doanh nghiệp, ảnh hưởng tới việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phần nào giảm niềm tin với môi trường đầu tư tại Việt Nam.  Vì vậy, chúng tôi kính mong Bộ tài chính/Cục thuế/Chi cục thuế Khu vực III và các cơ quan liên quan xem xét, cân nhắc, nhìn nhận đúng bản chất của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, để từ đó áp dụng ưu đãi thuế cho hàng hóa nhập khẩu không phải thanh toán cho các công ty thuộc Tập đoàn LG tại Việt Nam để bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, giúp chúng tôi tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua thời kỳ khó khăn này. | Tập đoàn LG tại Việt Nam gồm:   * Công ty TNHH LG Display Việt Nam Hải Phòng (LGDVH) * Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng (LGEVH) * Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng (LGIVH) |
| 5 | - Khoản 4, Điều 18, Thông tư 219/2013/TT-BTC  ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính (sửa đổi bởi Điểm b, Khoản 12, Điều 1, Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính và Điều 2, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài Chính)  - Công văn số 1752/BTC-TCT ngày 10/2/2014 của Bộ Tài Chính  - Công văn 11797/BTC-TCT của Bộ Tài Chính ngày 22/08/2014 | **Hoàn thuế Giá trị gia tăng (GTGT) cho hoạt động xuất khẩu**  Công ty TNHH Thép Vina Kyoei là công ty liên doanh được thành lập với 60% vốn đầu tư từ Nhật Bản và 40% vốn đầu tư từ Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sắt, thép, gang. Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hoạt động xuất khẩu cho kỳ từ tháng 12/2021 – tháng 11/2022 đến Cục Thuế vào tháng 01/2023 và đã được Cục Thuế tiến hành kiểm tra trước hoàn thuế GTGT từ tháng 20/02/2023.  Sau gần 2 năm kể từ khi Công ty nộp hồ sơ xin hoàn thuế, ngày 15/11/2024, đoàn kiểm tra đã ban hành Thông báo 36602/TB-CTBRV-KDT kết luận Công ty không đủ điều kiện hoàn thuế cho toàn bộ số thuế GTGT xin hoàn của doanh nghiệp với số tiền 88,253,165,804 đồng với lý do: Công ty sử dụng các hóa đơn người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh; người nộp thuế có cảnh báo rủi ro về thuế.....  Đoàn kiểm tra căn cứ vào việc công ty có mua hàng của 8 nhà cung cấp thuộc các trường hợp rủi ro cao về thuế và hóa đơn để từ chối hoàn thuế, mặc dù Công ty đã cung cấp đầy đủ tài liệu để chứng minh các giao dịch của Công ty với các nhà cung cấp này là có thật và thực tế diễn ra.  Quan điểm của doanh nghiệp:   * Việc phân loại rủi ro của các doanh nghiệp thuộc về nghiệp vụ quản lý của cơ quan thuế. Hệ thống phân loại này không công khai. Tại thời điểm giao dịch diễn ra, doanh nghiệp đã kiểm tra thông tin nhà cung cấp nhưng không có bất kỳ thông báo chính thức nào từ cơ quan thuế hay các cơ quan chức năng về việc các nhà cung cấp này tạm ngừng kinh doanh hoặc hóa đơn không còn giá trị sử dụng. * Các thông báo Đoàn kiểm tra đang sử dụng làm căn cứ đánh giá rủi ro của các nhà cung cấp đều là các văn bản được ban hành sau kỳ hoàn thuế mà doanh nghiệp xin hoàn. * Tình trạng rủi ro về thuế và hóa đơn của các nhà cung cấp này trên hệ thống nôi bộ của cơ quan thuế tại thời điểm Đoàn tiến hành kiểm tra không thể là cơ sở để bác bỏ tính pháp lý của các giao dịch mà Công ty đã thực hiện trước đó với các nhà cung cấp. * Việc Cục thuế từ chối hoàn thuế cho Công ty là thiếu căn cứ pháp lý, gây khó khăn cho doanh nghiệp kể cả về tài chính lẫn tâm lý kinh doanh, đồng thời tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư tại Việt Nam nói chung.     Vina Kyoei đã gửi đơn Đơn khiếu nại đối với Thông báo từ chối hoàn thế nói trên 03/12/2024. Ngày 23/01/2025, chúng tôi nhận được Quyết định số 05/QĐ-CTBRV của Cục trưởng Cục thuế tỉnh BRVT ban hành ngày 02/01/2025 không công nhận Đơn khiếu nại lần thứ nhất của Vina Kyoei và giữ nguyên kết luận về việc hồ sơ của Công ty chưa đủ điều kiện hoàn thuế theo Thông báo số 36602/TB-CTBRV-KDT.    Vina Kyoei nhận thấy hồ sơ hoàn thuế của Công ty đã không được giải quyết một cách thỏa đáng, thiếu căn cứ và thiếu tính minh bạch. Vì vậy, chúng tôi đã tiếp tục nộp hồ sơ khiếu nại lần thứ hai trình Tổng cục thuế (nay là Cục thuế) xem xét. | Vina Kyoei khẩn thiết kiến nghị Bộ Tài chính và Cục thuế, xem xét và giải đáp vướng mắc về trường hợp hoàn thuế của Công ty. Đề nghị đại diện Bộ Tài chính và Cục thuế xác nhận cho chúng tôi, trong tình huống chúng tôi đã xuất trình đầy đủ các hồ sơ, tài liệu hợp lệ, chứng minh về việc quan hệ mua bán của Công ty với các nhà cung cấp là có thật và thực tế diễn ra. Nhưng sau này nhà cung cấp không còn hoạt động tại trụ sở thì chúng tôi vẫn được xử lý hoàn thuế cho các giao dịch hợp lệ đã thực hiện trước đó. Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì hoạt động kinh doanh của chúng tôi tại Việt Nam. Mong Quý Tổng cục giải đáp để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp, giúp công ty yên tâm sản xuất kinh doanh và đóng góp vào sự phát triển của kinh tế đất nước. | Công ty TNHH Thép Vina Kyoei  MST: 3500106761  KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 6 | Truy thu tiền thuê đất | **Truy thu tiền thuê đất**  Tập đoàn Nidec đã ký kết Hợp đồng Khung về Đầu tư từ năm 2005 trong đó đã quy định rõ các ưu đãi đầu tư dành cho các dự án đầu tư trực tiếp bởi Tập đoàn và các công ty con trong đó có các nội dung ưu đãi miễn tiền thuê đất và giá *thuê đất đối với dự án sản xuất công nghệ cao là 0.2USD/m2/năm.* Trên cơ sở nội dung Hợp đồng Khung về Đầu tư, ngày 03/07/2012, Ban quản lý KCNC đã ký Hợp đồng thuê đất với doanh nghiệp theo mức giá thuê đất đã thỏa thuận trong hợp đồng khung và doanh nghiệp đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.    Năm 2019, Tập đoàn tái cấu trúc nội bộ theo đó doanh nghiệp bị sáp nhập vào một doanh nghiệp khác cũng là công ty con khác của Tập đoàn trong cùng khu công nghệ cao tại Việt Nam. Trên cơ sở hợp đồng sáp nhập, khu đất đã được chuyển giao sang cho công ty nhận sáp nhập kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ.  Đến nay, doanh nghiệp là công ty nhận sáp nhập gặp vướng mắc trong việc cập nhật thông tin về người sử dụng đất tại Hợp đồng thuê đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Ban quản lý KCNC. Ban quản lý cho biết các thủ tục này chưa thể thực hiện được do vướng mắc về kiến nghị truy thu tiền thuê đất lên đến hơn 16 tỷ đồng của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2018. Lý do được Kiểm toán Nhà nước đưa ra là Ban quản lý KCNC đã ký Hợp đồng cho thuê đất với Nidec Seimitsu với giá thuê đất thấp hơn quy định tại Quyết định số 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND Thành phố HCM.  Ngày 5/8/2024, Ban quản lý có công văn số 1087/KNCN-XTĐT gửi doanh nghiệp, Ban quản lý thông tin về kiến nghị của kiểm toán nhà nước Khu vực IV tại Công văn số 323/KV IV-TH ngày 23/7/2024, và yêu cầu công ty thực hiện nộp tiền thuê đất bổ sung 16.643.554.372 đồng như đã nêu trên.  Việc sau 12 năm kể từ thời điểm ký Hợp đồng thuê đất, Chính phủ Việt Nam yêu cầu doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền thuê đất như sự việc nói trên là hoàn toàn không có cơ sở và đang vi phạm nghiêm trọng đến các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng thuê đất cũng như các cam kết mà Chính phủ Việt Nam đã thể hiện trong Hợp đồng khung. | Chúng tôi kiến nghị UBND Thành phố HCM, Ban quản lý KCNC và các cơ quan chức năng quan tâm, ưu tiên xem xét và giải quyết vấn đề này, hủy bỏ đề nghị truy thu tiền thuê đất để doanh nghiệp có thể sớm triển khai kế hoạch đầu tư tiếp theo. | Tập đoàn Nidec |
| 7 | Theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29/09/2021 (Điều 63), để được hưởng miễn, giảm thuế đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động cho vay tại Việt Nam theo Điều ước đã ký kết (trong trường hợp của IFC là Điều lệ của IFC), IFC hoặc tổ chức được ủy quyền cần nộp hồ sơ xin miễn, giảm thuế theo Điều ước Quốc tế tới cơ quan đăng ký thuế, trong đó bao gồm Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DUQT ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư có xác nhận của cơ quan đề xuất ký kết Điều ước quốc tế cùng với các tài liệu liên quan. | Vướng mắc trong thủ tục xin miễn, giảm thuế theo điều ước quốc tế đối với khoản vay của các Tổ chức tài chính quốc tế   * Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp cần thay mặt cho bên cho vay gửi Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DUQT theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC tới Ngân hàng Nhà nước để xin xác nhận cho mục đích miễn thuế theo điều ước quốc tế. Tuy nhiên, cho đến nay, việc xác nhận tại Văn bản đề nghị miễn thuế vẫn chưa được Ngân hàng Nhà nước thực hiện. * Về vấn đề này, chúng tôi được biết Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính đã có rất nhiều các văn bản trao đổi qua lại và báo cáo Văn phòng Chính phủ. Nhưng đến nay, vẫn chưa có văn bản hướng dẫn nào chính thức được ban hành cho các doanh nghiệp để thực hiện. * Qua trao đổi chúng tôi được biết là TCT đang trao đổi nội bộ để đưa ra hướng xử lý và giải quyết các nội dung mà NHNN còn đang vướng mắc. Cụ thể, các bên đang thảo luận theo hướng sửa đổi các nội dung trong Mẫu 01/DUQT được ban hành kèm Thông tư 80/2021/TT-BTC để có thể đáp ứng được các yêu cầu của NHNN. * Về vấn đề này doanh nghiệp đã gửi văn bản đầu tiên lên Cục thuế Bắc Ninh từ ngày 12/7/2022 đến nay đã hơn 2 năm. Doanh nghiệp cũng đã có các văn bản gửi lên Tổng Cục thế và Chính phủ tuy nhiên, cho đến nay, việc xác nhận tại Văn bản đề nghị miễn thuế vẫn chưa được Ngân hàng Nhà nước thực hiện. Vì vậy, Doanh nghiệp không thể thực hiện quyền lợi được miễn giảm theo Điều ước. | Đề nghị Bộ Tài chính xem xét và phối hợp chỉ đạo các cơ quan hữu quan đế nhanh chóng thúc đẩy quá trình xem xét và đưa ra giải pháp triệt để giúp tháo gỡ vướng mắc hiện nay liên quan đến hồ sơ thủ tục xin miễn, giảm thuế đối với thu nhập từ hợp đồng vay của IFC. Cụ thể, nhanh chóng ban hành mẫu và nội dung xác nhận để NHNN có thể ký xác nhận các doanh nghiệp có cơ sở xin miễn thuế theo điều ước quốc tế. | Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Goertek Vina  Mã số thuế: 2301081197 |
| 8 | Khoản 1, điều 156, Luật số 80/2015/QH13 ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật như sau: *“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với* ***hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực****. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”.* | **Áp dụng miễn thuế theo Điều ước quốc tế**  Chính Phủ Việt Nam (đại diện bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) đã ký kết một số thỏa thuận khung/bản ghi nhớ với một số tổ chức tài chính như: Công ty Tài chính Phát triển Hà Lan – gọi tắt FMO; Công ty Khuyến khích và Tham gia Hợp tác Kinh tế – gọi tắt PROPARCO; Công ty Tài chính Quốc tế – gọi tắt IFC, trong đó cam kết cho phép các tô chức tài chính này được miễn mọi loại thuế trực tiếp hoặc gián tiếp đối với mọi hoạt động và giao dịch liên quan đến hỗ trợ phát triển và đối với các khoản thanh toán phải trả cho các Tổ chức này như gốc, lãi, cổ tức, phí bảo lãnh. Bộ Ngoại Giao Việt Nam cũng đã có văn bản xác nhận rằng Bản ghi nhớ và Thỏa thuận khung đều là Điều ước quốc tế mà Chính Phủ Việt Nam cần tuân thủ chặt chẽ với những cam kết đã ký.  Về thủ tục hồ sơ để áp dụng miễn giảm thuế theo điều ước quốc tế: Trước tháng 12 năm 2013, Luật quản lý thuế và các văn bản dưới Luật không có hướng dẫn về thủ tục hồ sơ áp dụng miễn thuế theo điều ước quốc tể. Chỉ đến khi Thông tư 156/2013/TT-BTC ra đời (hiệu lực ngày 20/12/2013) mới có quy định về thủ tục áp dụng miễn Thuế theo điều ước quốc tế, trong đó quy định: *“Trong phạm vi* ***03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng*** *với Bên Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho cơ quan thuế nơi đăng ký thuế hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế, gồm…”*; Thông tư 156/2013/TT-BTC cũng **không có quy định** **việc áp dụng hồi tố** các thủ tục này đối với các hợp đồng đã được ký kết trước thời điểm Thông tư có hiệu lực.  Tuy nhiên thực tế, Thuế Quảng Ninh đã yêu cầu chúng tôi phải có hồ sơ thông báo miễn thuế theo điều ước quốc tế **đối với những hợp đồng đã được ký kết trước thời điểm quy định về hồ sơ thủ tục được ban hành** thì mới chấp nhận cho miễn giảm Thuế theo quy định tại Điều ước quốc tế. Theo đó chúng tôi đã gửi Công văn tới Bộ Tài chính từ tháng 02/2020 nhưng cho đến nay đã hơn 5 năm mà chúng tôi chưa nhận được công văn trả lời về vấn đề này. Như phân tích ở trên thì yêu cầu này là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi trực tiếp của các tổ chức quốc tế và bản thân Công ty chúng tôi; và cũng không phù hợp với quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật tại Khoản 1, điều 156, Luật số 80/2015/QH13. Yêu cầu này khiến Việt Nam sẽ vi phạm các cam kết với các tổ chức quốc tế, không đảm bảo nguyên tắc hiệu lực trong áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, và theo đó sẽ ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam, ảnh hưởng đến niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài nói chung đối với việc thực thi Pháp Luật tại Việt Nam. | Kính đề nghị Bộ Tài chính, Cục thuế nghiên cứu, xem xét về vấn đề này, có hướng tháo gỡ kịp thời về thủ tục phù hợp với nguyên tắc hiệu lực tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm giúp các nhà đầu tư yên tâm vào việc thực thi hệ thống Pháp Luật của Việt Nam. Cụ thể là với những hợp đồng vay đã ký từ thời điểm trước khi có Thông tư 156 (tháng 12/2013) thì Doanh nghiệp không phải nộp hồ sơ áp dụng điều ước quốc tế do chưa có quy đinh. Các hợp đồng vay ký sau ngày hiệu lực của Thông tư 156 (ngày 20/12/2013) thì phải gửi hồ sơ áp dụng miễn giảm theo điều ước quốc tế theo quy định. | Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân  Địa chỉ: 01 đường Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 9 | Khoản 6 Điều 18 Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 4 Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC  Điều 131 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP được bổ sung bởi Điều 71 Nghị định 35/2022/NĐ-CP  Khoản 2 Điều 66 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP  Khoản 1, Khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13  Công văn 2721/TCT-CS ngày 26/6/2024 gửi Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc và PVN  Công văn 160525/CV-PVN ngày 16/5/2025 | **Ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng**  Công ty có Dự án đầu tư mở rộng tại Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Hương Canh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ), là Khu Công nghiệp không nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi với tổng vốn đầu tư cho Dự án là 75 triệu USD. Theo quy định của pháp luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN”), dự án ĐTMR được hưởng ưu đãi về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với dự án mới, nếu nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ mười tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.  Căn cứ Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư (**“Nghị định 31”**), **danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư duy nhất có hiệu lực tại thời điểm hiện hành** quy định về danh mục ưu đãi đầu tư bao gồm hai danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, **thì Khu Công nghiệp được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính Phủ được liệt kê trong Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn để được hưởng ưu đãi đầu tư theo địa bàn**. Do đó, Dự án ĐTMR 2023 của Công ty được thực hiện tại Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Hương Canh, tỉnh Vĩnh Phúc, khu công nghiệp được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính Phủ, sẽ được xem là Dự án đầu tư mở rộng thuộc địa bàn kinh tế-xã hội khó khăn.  Tuy nhiên, tại các văn bản trả lời cho Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Thuế tỉnh Phú Thọ) và doanh nghiệp, Tổng cục thuế (nay là Cục Thuế), Tổng cục Thuế đưa ra các ý kiến hướng dẫn chưa thoả đáng, được diễn giải chủ yếu trên quan điểm của cơ quan thuế, chưa cân nhắc kỹ lưỡng các quy định pháp luật liên quan và chưa trả lời đúng vướng mắc của doanh nghiệp dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư và môi trường đầu tư tại Việt Nam. Cụ thể, Tổng cục Thuế có quan điểm không áp dụng danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư hiện hành quy định tại Nghị định 31 đối với Khu công nghiệp để đánh giá các vấn đề liên quan đến ưu đãi Thuế TNDN, và Tổng Cục thuế cho rằng *“nguyên tắc xuyên suốt của pháp luật thuế TNDN là ưu đãi tách giữa địa bàn và khu (trong đó có khu công nghiệp, trừ khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi theo quy định của pháp luật). Pháp luật thuế TNDN không quy định ưu đãi thuế TNDN đối với Dự án đầu tư tại Khu công nghiệp theo mức áp dụng đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn”*.  Chúng tôi thấy rằng quan điểm này của Tổng cục chưa phù hợp với nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật bởi danh mục địa bàn ưu đãi thuế TNDN ban hành kèm theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP đã bị bãi bỏ, được thay thế bởi danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Nghị định 31, là danh mục duy nhất đang còn hiệu lực đến thời điểm bây giờ dùng để tham chiếu. | Kính đề nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế nghiên cứu, xem xét thấu đáo vấn đề này có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, thấu tình đạt lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam cũng như đảm bảo các quyền lợi cho Công ty chúng tôi. | Công ty TNHH Piaggio Việt Nam, mã số thuế 2500288968, địa chỉ: Lô M, Khu Công nghiệp Bình Xuyên, Xã Bình Nguyên, Phú Thọ |
| 10 | Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 (Khoản 1 Điều 11)  Thông tư 219/2013/TT-BTC (Khoản 10 Điều 7, Điều 11; Khoản 4 Điều 5) | **Hoàn thuế Giá trị gia tăng**  Tháng 12/2014, Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với cơ sở hạ tầng với Công ty Cổ phần đầu tư HimlamBC (bên chuyển nhượng) để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng toà nhà, căn hộ cho thuê. Đối với giao dịch nói trên, bên chuyển nhượng đã xuất 03 hoá đơn GTGT cho Công ty, trong đó có hoá đơn ngày 15/6/2016, trị giá hoá đơn là 81 tỷ, số thuế GTGT là 8,1 tỷ VND. Cũng như 2 hóa đơn kia thì đối với hóa đơn này, bên chuyển nhượng đã kê khai, nộp thuế GTGT đầu ra và Công ty cũng đã kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng. Bên chuyển nhượng cũng đã được Cục Thuế TP. Hà Nội (nay là Thuế Hà Nội) thanh tra, kiểm tra thuế cho thời kỳ phát sinh giao dịch và không có ý kiến gì về việc xuất hoá đơn và kê khai thuế của đơn vị.  Tuy nhiên, vào năm 2017, khi Cục Thuế TP. Hà Nội thực hiện kiểm tra trước hoàn thuế theo Đề nghị hoàn thuế từ Quý I/2016 – đến Quý IV/2016 của Công ty, đoàn thanh tra của Cục Thuế TP. Hà Nội cho rằng giao dịch này là chuyển nhượng dự án nên thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nên không đồng ý cho Công ty (bên nhận chuyển nhượng) được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hóa đơn GTGT ngày 15/6/2016.  Như vậy, cùng một giao dịch chuyển nhượng nhưng các kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra thuế của Cục Thuế TP. Hà Nội đối với bên nhận chuyển nhượng và bên chuyển nhượng đang có quan điểm xử lý khác nhau trong xác định thuế GTGT, dẫn đến vấn đề của chúng tôi từ năm 2017 đến nay (đã 8 năm rồi) mà vẫn tồn đọng, chưa được giải quyết hoàn thuế GTGT.  Công ty cũng đã có văn bản gửi Tổng cục Thuế, nay là Cục Thuế và Cục Thuế mới đây cũng đã có công văn số 434/CT-CS ngày 02/4/2025 gửi Chi cục Thuế khu vực I (nay là Thuế Hà Nội) rà soát lại kết quả thanh tra kiểm tra để xử lý đúng quy định, báo cáo kết quả xử lý gửi về Cục Thuế trước ngày 10/4/2025. Đồng thời, chúng tôi cũng đã có văn bản số 03/2025/CV ngày 09/4/2025 gửi Chi cục Thuế khu vực I để giải trình, cung cấp thêm thông tin và kiến nghị với Chi cục Thuế khu vực I. Tuy nhiên, đến nay chúng tôi vẫn chưa nhận được thêm bất kỳ hướng dẫn hay phản hồi nào của cơ quan thuế về việc giải quyết vấn đề của chúng tôi.  Ngoài ra, theo quan sát của chúng tôi, việc xử lý về thuế GTGT của đoàn thanh tra năm 2017 của Cục Thuế TP. Hà Nội đối với giao dịch chuyển nhượng của chúng tôi cũng không đúng tinh thần với hướng dẫn của Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) cho các trường hợp tương tự như: Công văn 269/TCT-CS ngày 17/1/2025 trả lời Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá; Công văn 416/TCT-CS ngày 23/01/2025 trả lời Cục Thuế tỉnh Bình Dương. Tại các Công văn này, Tổng cục Thuế hướng dẫn Hợp đồng chuyển nhượng Dự án bất động sản là hoạt động kinh doanh bất động sản theo Luật kinh doanh BĐS nên thuộc đối tượng chịu thuế GTGT | Chúng tôi hiểu rằng bất luận cơ quan thuế kết luận giao dịch chuyển nhượng giữa Công ty CP đầu tư HimlamBC và Công ty TNHH Haseko LHT là chuyển nhượng dự án hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với cơ sở hạ tầng thì căn cứ hướng dẫn của Cục Thuế, giao dịch này đều chịu thuế GTGT 10%.  Do đó, Công ty kiến nghị Bộ Tài chính, Cục thuế sớm có chỉ đạo Thuế TP. Hà Nội giải quyết dứt điểm vấn đề vướng mắc của Công ty, chấp thuận cho chúng tôi được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hoá đơn GTGT mà Công ty CP đầu tư HimlamBC đã xuất và kê khai, nộp thuế GTGT đầu ra 10% cho cơ quan thuế. | Công ty TNHH Haseko LHT  Mã số thuế: 0106731803  Địa chỉ: Khu đất ký hiệu CT1, dự án khu nhà ở Tư Đình, Phường Long Biên, Quận Long Biên, TP Hà Nội |
| 11 | Điều 14 và Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC  Khoản 9, điều 3, Nghị định 123/2020/NĐ-CP  Công văn số 4532/TCT-TTKT ngày 26/10/2020 | **Hoàn thuế Giá trị gia tăng**  Công ty TNHH Itochu Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư của Nhật Bản, hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Trong thời gian vừa qua, Công ty đã được Chi cục Thuế khu vực 2 (nay là Thuế TP. Hồ Chí Minh) thực hiện kiểm tra trước hoàn thuế GTGT đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT cho hoạt động xuất khẩu của Công ty (kỳ đề nghị hoàn từ 10/2020 – 04/2022) và đã được Thuế TP.HCM thực hiện hoàn thuế cho Công ty. Tuy nhiên, căn cứ Biên bản kiểm tra hoàn thuế, Thuế TP. HCM có ý kiến không cho công ty được hoàn thuế đối với 02 nội dung:  (i) Thuế GTGT đầu vào liên quan đến hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từ các nhà cung cấp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (ngày hoá đơn trước ngày doanh nghiệp có Thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh)  (ii) Thuế GTGT đầu vào liên quan đến các hoá đơn của Công ty TNHH CBT Steel (**“CBT Steel”**) là doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro về hoá đơn theo Công văn 4532/TCT-TTKT ngày 26/10/2020 (“Công văn 4532”) cần kiểm tra xác minh, tạm thời chưa xét hoàn  Đối với 02 nội dung nêu trên, theo quan điểm của chúng tôi, việc Thuế TP.HCM không cho Công ty được hoàn thuế là không có cơ sở, dựa trên các lý do như sau:  - **Đối với nội dung (i):** Tại thời điểm phát sinh giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ của nhà cung cấp, các nhà cung cấp này đều đang hoạt động bình thường; Công ty đã lưu giữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ để chứng minh giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ với các nhà cung cấp này cho đoàn kiểm tra; Đến nay, chưa có bất kỳ kết luận nào từ các cơ quan công an hay các cơ quan chức năng khác là hóa đơn của các doanh nghiệp này là hóa đơn không hợp pháp.  Do đó, việc Công ty thực hiện khấu trừ và đề nghị hoàn số thuế GTGT đầu vào đối với các hoá đơn này hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.  - **Đối với nội dung (ii):** Danh sách doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro về quản lý, sử dụng hoá đơn ban hành kèm theo Công văn 4532 của Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) được đưa ra dựa trên một số tiêu chí rủi ro; trên cơ sở đó, Cục Thuế đề nghị Thuế TP.HCM kiểm tra, xác minh hoá đơn của các doanh nghiệp này để xử lý nếu có dấu hiệu vi phạm. Như vậy, việc nhà cung cấp CBT Steel mới chỉ nằm trong danh sách kèm theo công văn 4532 của Tổng cục Thuế, chưa có kết quả xác minh cuối cùng của cơ quan thuế/cơ quan có thẩm quyền về các hoá đơn này có phải hoá đơn bất hợp pháp hay không thì chưa có căn cứ để đoàn kiểm tra chưa chấp nhận khấu trừ, hoàn thuế cho Itochu.  Liên quan đến nhà cung cấp này, chúng tôi cũng đã tích cực phối hợp với đoàn kiểm tra, chủ động liên hệ với nhà cung cấp CBT Steel để xác minh các hoá đơn do CBT xuất cho Công ty chúng tôi trong kỳ hoàn thuế. Theo đó, công ty đã giải trình và cam kết về tính xác thực trong giao dịch mua bán hàng hoá với CBT Steel, đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ mua bán với nhà cung cấp (bao gồm cả nhà cung cấp thứ cấp và nhà cung cấp trực tiếp là CBT Steel) và khách hàng của Công ty gồm: Hợp đồng mua bán hàng hoá, hoá đơn GTGT, chứng từ thanh toán, biên bản giao nhận hàng hoá, chứng từ vận chuyển, phiếu cân, phiếu nhập kho,…  Đồng thời, nhà cung cấp CBT Steel cũng cam kết và khẳng định đã kê khai thuế GTGT đầu ra đối với các hoá đơn đã xuất cho Itochu.  Như vậy, chúng tôi thấy rằng có đầy đủ cơ sở để Công ty được khấu trừ, hoàn thuế đối với các hoá đơn đầu vào của CBT Steel | Kính đề nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế xem xét vấn đề của doanh nghiệp, hướng dẫn và có chỉ đạo Thuế TP.HCM xem xét một cách thấu đáo các nội dung giải trình của Công ty và các tài liệu, chứng từ chứng minh kèm để tiếp tục giải quyết, chấp nhận hoàn thuế đối với 02 vấn đề mà Công ty đã nêu. | Công ty TNHH Itochu Việt Nam  Mã số thuế: 0313655780  Địa chỉ: Tầng 20, Vincom Center, số 72 đường Lê Thánh Tôn và số 45A đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh |
| 12 | Điều 60, Điều 71, Điều 72, Điều 76 Luật quản lý thuế 38/2019/QH14 về các trường hợp được hoàn thuế    Mục 2, Chương V, Thông tư 80/2021/TT-BTC của Bộ tài chính về thủ tục hoàn nộp thừa | Công ty Young Poong Electronics Việt nam (“Chúng tôi”) đã thanh toán thừa thuế GTGT đầu vào cho 2 nhà cung cấp là doanh nghiệp EPE tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh do các doanh nghiệp này xuất hóa đơn GTGT có thuế suất 10% thay vì dùng hóa đơn bán hàng cho hoạt động gia công theo hướng dẫn của cơ quan thuế trước đây. Vấn đề này Cục thuế (Tổng cục thuế trước đây) đã có công văn hướng dẫn vào tháng 12/2024 về việc điều chỉnh hóa đơn, kê khai bổ sung tờ khai thuế GTGT và xử lý hoàn đối với số tiền thuế nộp thừa. Mặc dù chúng tôi và các nhà cung cấp của chúng tôi đã thực hiện điều chỉnh hóa đơn và điều chỉnh tờ khai, tuy nhiên đến nay, đã hơn nửa năm kể từ khi Cục thuế có hướng dẫn, chúng tôi vẫn chưa được xử lý hoàn thuế do cơ quan thuế quản lý địa bàn tỉnh Bắc ninh vẫn đang trong quá trình làm việc với UBND tỉnh Bắc Ninh về vấn đề sắp xếp nguồn ngân sách hoàn thuế.    Quá trình xử lý hoàn thuế bị kéo dài thời gian làm cho Công ty chúng tôi bị thiếu hụt nguồn vốn tài chính để vận hành hoạt động kinh doanh cũng như tái đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch trước đó của doanh nghiệp. | Chúng tôi kiến nghị Bộ tài chính đôn đốc Chi cục thuế khu vực V quản lý địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhanh chóng phối hợp với UBND tỉnh Bắc Ninh để tạo điều kiện sắp xếp nguồn tiền sớm hoàn cho nhà cung cấp của chúng tôi, từ đó chúng tôi sẽ nhận được tiền hoàn để khôi phục lại tình hình tài chính của doanh nghiệp. | Công ty Young Poong Electronics Việt nam |